

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 19/2019/DSST

Ngày 26/6/2019

*V/v : Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG**

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Ngừ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang V.

Ông Phạm Đình Thìn.

*Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Cường - Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên toà: Bà
Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.*

Ngày 26/6/2019, TAND huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự lý số: 66/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2018/QĐXXST-DS ngày 20/12/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-DS ngày 18/2/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2019/QĐST-DS ngày 19/3/2019, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ 1, Đồi A xít, phường TX, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.(có mặt)

+ **Bị đơn:**

1. Bà Đào Thị Th, sinh năm 1960; (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1986; (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Đều trú tại: XTr, xã XH, huyện Lạng Giang, Bắc Giang.

4. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1992; trú tại thôn V, xã S, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/11/2011 ông có ký hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi với ông Nguyễn Văn M ở XTr, xã XH, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung của hợp đồng là ông cung cấp thức ăn chăn nuôi cho ông M, bà Th theo từng lứa gia súc, gia cầm, khi được thu hoạch lứa nào thì phải thanh toán cho ông lứa đó, sau đó ông lại cung cấp tiếp lứa sau.... Quá trình mua bán thì ông M, bà Th nợ tiền chưa thanh toán hết. Ngày 28/4/2014 Âm lịch (ngày 26/5/2014 Dương lịch), sau khi tính toán chốt nợ thì ông M, bà Th còn nợ lại 61.918.000đ. Khi đó ông M đang bị bệnh nặng nên bà Th đã ký nhận nợ vào sổ mua bán hàng do ông đang giữ, đồng thời bà Th xin khất nợ xin được trả dần để có điều kiện chữa bệnh cho ông M. Ngày 27/11/2015 ông M chết không để lại di chúc.

Ngày 24/12/2016 Âm lịch (ngày 21/01/2017), anh Nguyễn Văn N là con trai ông M, bà Th trả cho ông được 9.000.000đ

Ông đã nhiều lần yêu cầu bà Th cùng các con thanh toán số tiền còn nợ nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Nay ông yêu cầu bà Th cùng các con thanh toán trả số tiền 52.918.000đ và lãi suất 9%/năm của số tiền còn nợ từ ngày 28/4/2014 Âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên toà hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Bà Đào Thị Th là bị đơn khai: Chồng bà là ông Nguyễn Văn M có mua thức ăn chăn nuôi của ông Nguyễn Văn T nhưng cụ thể việc mua bán, nợ tiền như thế nào thì bà không nắm được. Năm 2015 ông M chết, trước khi chết bà cũng không thấy ông M nói gì về khoản nợ của ông T. Vì vậy bà không biết ông M còn nợ tiền thức ăn chăn nuôi của ông T hay không, nợ bao nhiêu thì bà cũng không nắm được. Bà không biết chữ ký, chữ viết “Nguyễn Văn M”, “M” trong sổ mua bán do ông T cung cấp cho Tòa án có phải chữ ký, chữ viết của ông M hay không. Bà không biết việc nợ nần của chồng bà thế nào nên bà không nhận, không ký các văn bản của Tòa án.

Các chữ ký, chữ viết “Th”, “Đào Thị Th” trong sổ mua bán do ông T cung cấp cho Tòa án không phải chữ ký, chữ viết của bà.

Vì vậy, nay ông T yêu cầu bà và các con thanh toán trả 52.918.000đ và lãi suất bà không đồng ý.

Bà Đào Thị Th không đến Tòa án làm việc và vắng mặt trong tất cả các buổi xét xử tại Tòa án mà không có lý do.

Anh Nguyễn Văn N là bị đơn trình bày: Việc mua bán thức ăn chăn nuôi và công nợ giữa bố anh là ông Nguyễn Văn M với ông Nguyễn Văn T anh hoàn toàn không nắm được. Vì vậy anh không biết bố anh còn nợ tiền ông T hay không, nếu còn thì nợ bao nhiêu. Trước khi chết, bố anh có nói với gia đình còn nợ ông T khoảng 40.000.000đ tiền mua thức ăn chăn nuôi. Sau khi bố anh chết một thời gian

thì ông T có đến gia đình anh đòi nợ, anh đã thanh toán cho ông T được 9.000.000đ.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu gia đình anh thanh toán trả số tiền 52.918.000đ anh không đồng ý vì anh không nắm được việc mua bán, công nợ giữa bố anh và ông T thế nào.

Anh Nguyễn Văn N không đến Tòa án làm việc và vắng mặt trong tất cả các buổi xét xử tại Tòa án mà không có lý do.

Chị Nguyễn Thị V là bị đơn trình bày: Bố chị mua bán thức ăn chăn nuôi với ông Nguyễn Văn T thế nào chị hoàn toàn không biết. Năm 2014 chị lấy chồng về thôn Vĩnh An, xã Song Mai, TP Bắc Giang sinh sống đến nay.

Từ khi bố chị chết đến nay, gia đình chị chưa chia thừa kế tài sản của bố chị, hiện tại chị không trực tiếp quản lý phần di sản nào của bố chị. Vì vậy ông T khởi kiện yêu cầu chị và gia đình thanh toán trả 52.918.000đ tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu, chị không đồng ý.

Chị đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án giao nhưng chị không ký nhận, chị xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Anh Nguyễn Văn B là bị đơn trong vụ án: Mặc dù Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh B không đến Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án.

Anh B không đến Tòa án làm việc và vắng mặt trong tất cả các buổi xét xử tại Tòa án mà không có lý do.

Thực hành kiểm sát hoạt động tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên toà Thẩm phán và Thư ký Toà án tuân theo đúng trình tự tố tụng.

Tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS.

Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật

Bị đơn không chấp hành pháp luật.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Buộc bà Đào Thị Th, anh Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị V phải liên đới thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền còn nợ là 52.918.000đ và lãi suất 9%/năm từ ngày 28/4/2014 Âm lịch đến hết ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc bà Th , anh N, anh B, chị V phải chịu án phí và được quyền kháng cáo bản án theo pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Đào Thị Th, anh Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị V là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của B luật Tố tụng dân sự nhưng bà Th, anh N, anh B, chị V vẫn vắng mặt trong tất cả các phiên tòa mà không có lý do.

Căn cứ điểm Điều 227 B luật tố Tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Th, anh N, anh B, chị V.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 28/4/2014 Âm lịch (tức ngày 26/5/2014 Dương lịch) các đương sự chốt công nợ, đến ngày 24/12/2016 Âm lịch (tức ngày 21/01/2017) gia đình bà Th đã trả cho ông T được 9.000.000đ. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 162 B luật dân sự 2005 thì thời hiệu khởi kiện bắt đầu tính lại từ ngày 22/01/2017.

Ngày 7/6/2018, ông Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 429 B luật dân sự 2015, ông T khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là phù hợp pháp luật.

- Về quyền khởi kiện: Ông Nguyễn Văn M đại diện hộ gia đình ký kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi để phát triển kinh tế, vì lợi ích chung của hộ gia đình. Do đó các thành viên trong hộ gia đình phải chịu nghĩa vụ dân sự do ông M xác lập. Ngày 27/11/2015 ông M chết không để lại di chúc, do đó hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn M là bà Đào Thị Th, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị V phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo quy định tại các Điều 106, 107, 108, 109, 110 và Điều 637 B luật dân sự 2005.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Ông Nguyễn Văn M đại diện hộ gia đình mua thức ăn chăn nuôi của ông Nguyễn Văn T để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Ngày 26/5/2014, sau khi tính toán chốt nợ thì ông M còn nợ lại 61.918.000đ. Khi đó ông M đang ốm nặng nên bà Th đã ký nhận nợ vào sổ bán hàng của ông T.

HĐXX xét thấy, bà Đào Thị Th không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong sổ mua bán thức ăn chăn nuôi là do mình viết ra, không biết việc nợ tiền thế nào và không đồng ý trả nợ ông T. Nguyên đơn khẳng định là do bà Th ký nhận nợ, đồng thời nguyên đơn chấp nhận nộp tiền tạm ứng chi phí giám định. Mặc dù không thừa nhận chữ ký, chữ viết, không đồng ý trả nợ nhưng bà Th không đưa ra chứng cứ để chứng minh, bảo vệ quyền lợi của mình. Tòa án đã đến gia đình bà Th để làm việc nhưng bà Th cùng các con không hợp tác và có những lời lẽ không đúng mực. Bà Th cùng các thành viên trong hộ gia đình không chấp hành pháp luật, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 91 B luật Tố tụng dân sự. Do đó bà Th, anh N, anh B, chị V phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh.

Hơn nữa, anh Nguyễn Văn N xác nhận trước khi chết thì ông M có nói với gia đình là còn nợ ông T tiền mua thức ăn chăn nuôi chưa trả nên ngày 24/12/2016 Âm lịch (là ngày 21/01/2017) gia đình anh đã trả cho ông T 9.000.000đ.

Ngày 27/11/2015 ông Nguyễn Văn M chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của ông M chưa chia di sản thừa kế của ông M. Do đó, bà Th, anh N, anh B, chị V là thành viên hộ gia đình và là hàng thừa kế thứ nhất của ông M phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX thấy yêu cầu của ông Nguyễn Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 106, 107, 108, 109, 110 và Điều 637 B luật dân sự 2005 nên buộc bà Th, anh N, anh B, chị V phải liên đới trả cho ông T số tiền còn thiếu là 52.918.000đ và tiền lãi.

[3]. Về tiền lãi suất:

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Th, anh N, anh B, chị V phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật là 9%/năm từ ngày 26/5/2014 đến hết ngày xét xử sơ thẩm, HĐXX xét thấy:

Ngày 26/5/2014 ông T và bà Th chốt nợ, bà Th ký nhận còn nợ lại số tiền 61.918.000đ, ông T yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật đối với số tiền trên kể từ ngày chốt nợ. Yêu cầu tính lãi của ông T phù hợp với khoản 2 Điều 305 và khoản 2 Điều 438 B luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

Tại “hợp đồng bán cầm” giữa ông Nguyễn văn T và ông Nguyễn văn M ngày 29/11/2011 có thỏa thuận lãi suất chậm trả là 4%/tháng đối với số tiền chậm trả. Thỏa thuận này không phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX buộc bà Th, anh N, anh B, chị V phải chịu lãi suất chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm chậm trả là 9%/năm, cụ thể như sau:

+ Từ ngày 26/5/2014 đến hết ngày 21/01/2017 đối với số tiền gốc là 61.918.000đ (31 tháng 25 ngày) = $[(61.918.000đ \times 0,75\%) \times 31] + [(61.918.000đ \times 0,025\%) \times 25] = 14.783.000đ$.

+ Từ ngày 22/01/2017 đến hết ngày 26/6/2019 đối với số tiền gốc là 52.918.000đ (29 tháng 4 ngày) = $[(52.918.000đ \times 0,75\%) \times 29] + [(52.918.000đ \times 0,025\%) \times 4] = 11.562.500đ$.

Tổng số tiền lãi tính đến hết ngày 26/6/2019 là 26.345.500đ

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn T đối với số tiền gốc còn nợ là 52.918.000đ và lãi chậm trả tính đến hết ngày 26/6/2019 là 26.345.500đ được HĐXX chấp nhận nên bà Đào Thị Th, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị V phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 110, 298, 428, khoản 2 Điều 438 và khoản 2 Điều 305 B luật dân sự 2005:

- Áp dụng Điều 357, 468 B luật dân sự 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 271, 273 B luật Tố tụng dân sự;

Xử:

[1]. Buộc bà Đào Thị Th, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị V phải liên đới thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền gốc còn nợ là 52.918.000đ và tiền lãi chậm trả tính đến hết ngày 26/6/2019 là 27.113.000đ.

[2].Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Đào Thị Th, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị V phải liên đới chịu 3.963.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 B luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3].Về quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

☐n xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện LG;
- TAND tỉnh BG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- Lu HS, VP.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngữ